CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

FireAnt

CTCP Tập đoàn Yeah1

Ngày 30/09/2025	14,250 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.7%	**16.8%**	**2.9%**

DT thuần
Q3/25
391
tỷ VNĐ
QoQ: ▼68.0| -14.8%
YoY: ▲ 46.0| 13.3%

LN thuần
Q3/25
12.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.4| -67.0%
YoY: ▼23.6| -65.4%

LN sau thuế
Q3/25
7.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▼28.7| -79.6%
YoY: ▼27.0| -78.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
4.0%
YoY: +/-▼ 5.2%

ROE (TTM)
Q3/25
7.7%
YoY: +/-▼ 1.1%

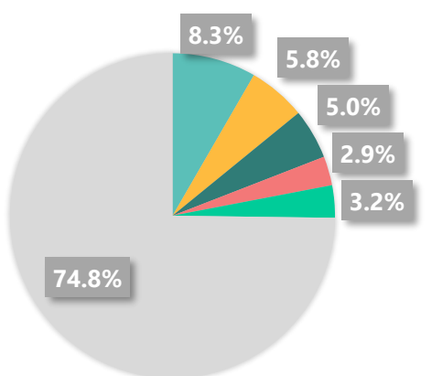
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,324 - 21,175
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,733
Số lượng CPLH (CP)	191,802,035
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,942,635
Sở hữu nước ngoài	12.3%
Beta	0.99
EPS	711
P/E	20.0

DT thuần
9T 2025
1,068
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 439| 69.7%

LN thuần
9T 2025
78.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.3| 22.4%

LN sau thuế
9T 2025
66.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.8| 19.5%

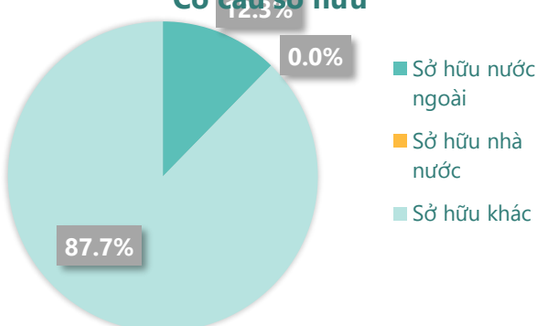
Cơ cấu cổ đông



- PYN Elite Fund (Non-Ucits)
- Lê Phương Thảo (Chủ tịch HĐQT)
- Chế Đoàn Viên
- Nguyễn Thị Khánh Hòa
- Ancla Asset Limited
- Khác

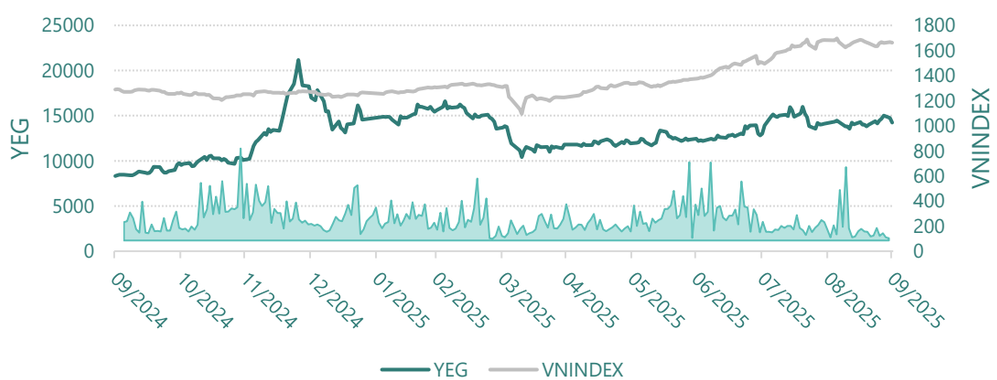
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



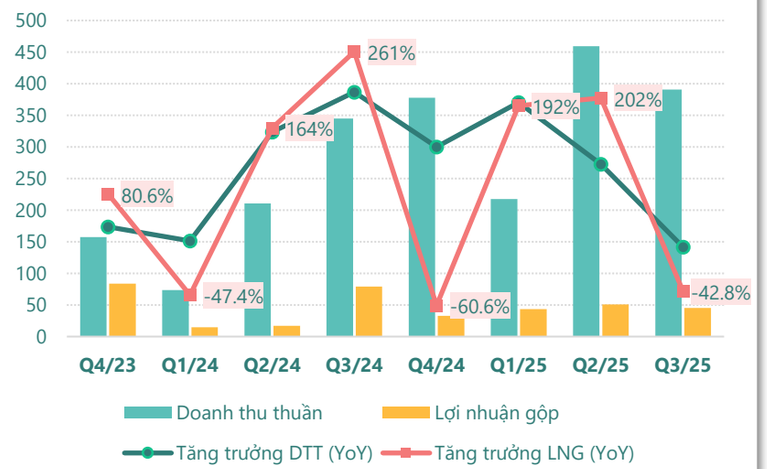
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



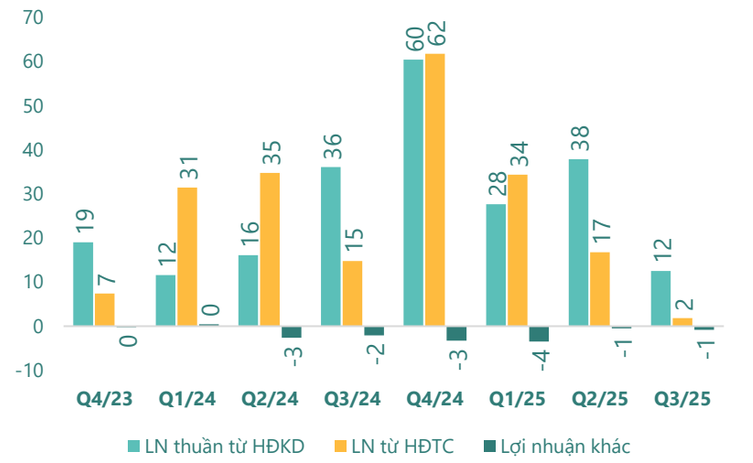
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



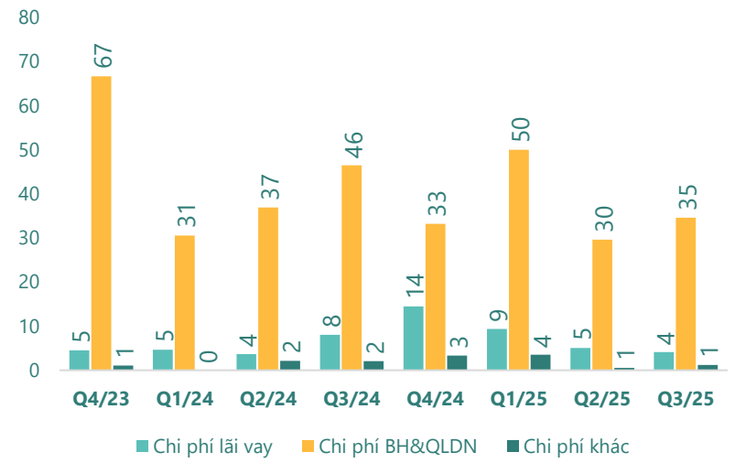
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



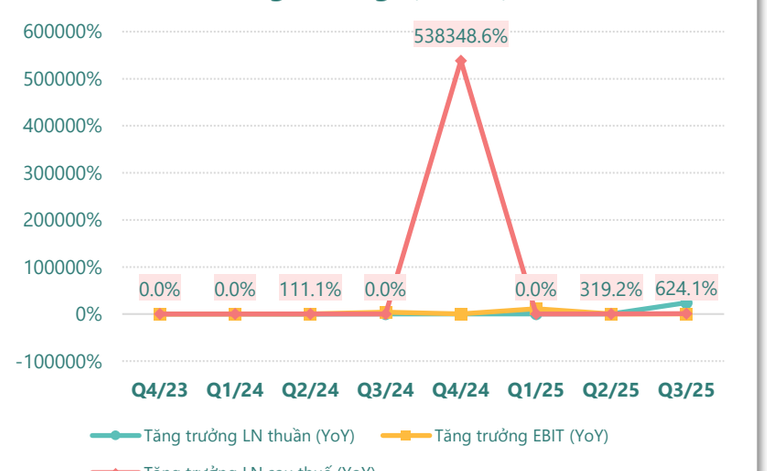
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



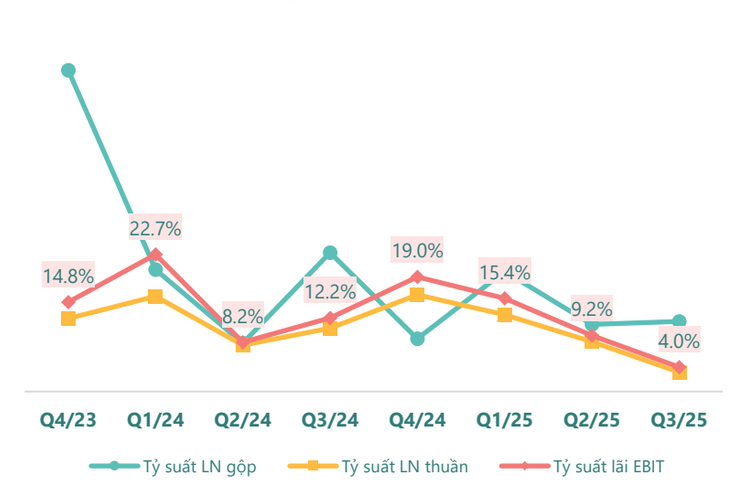
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



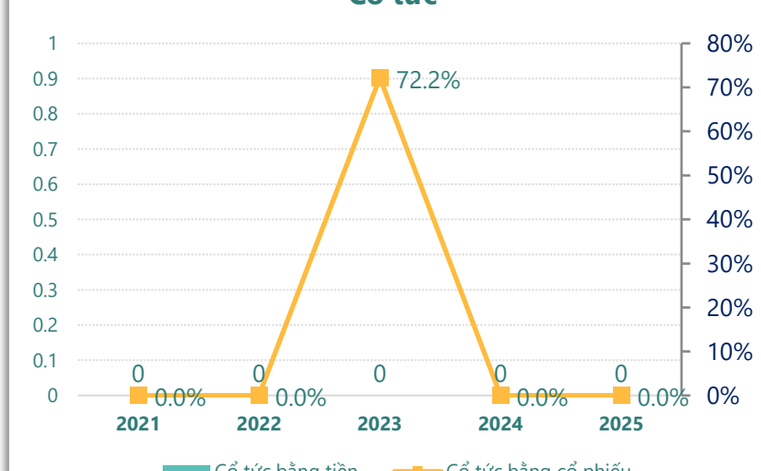
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

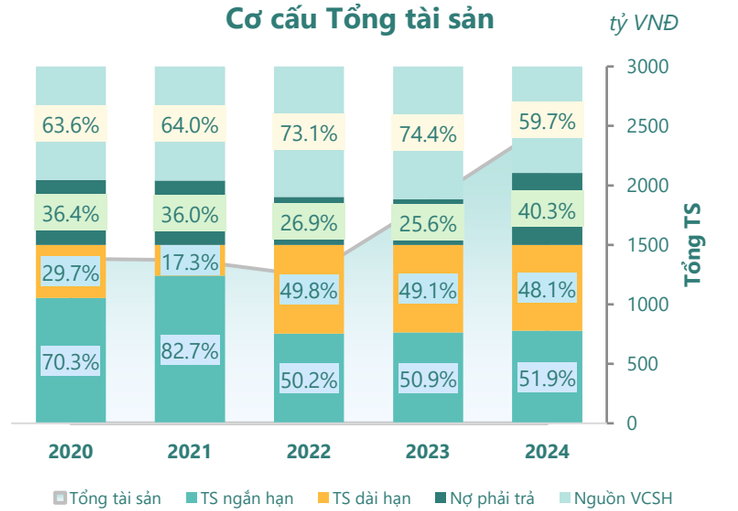
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

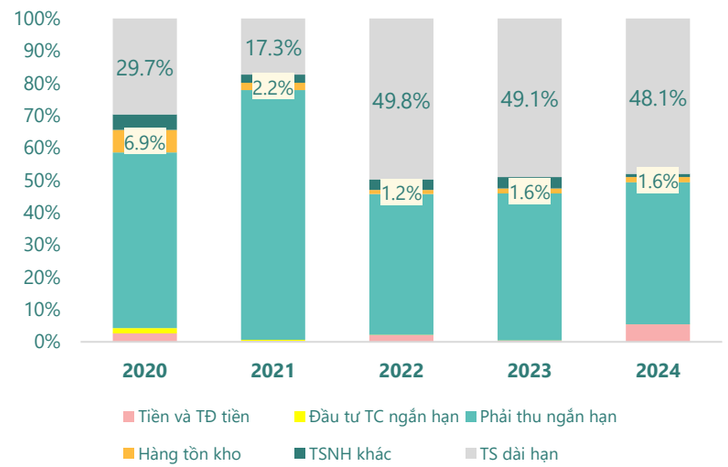
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



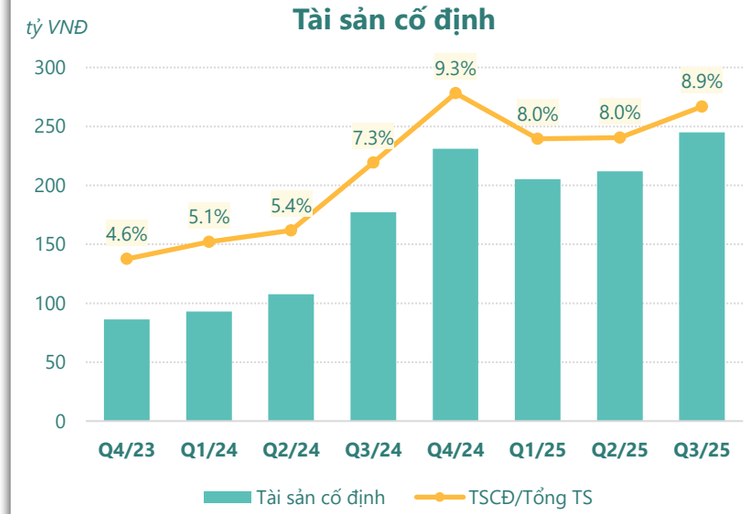
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



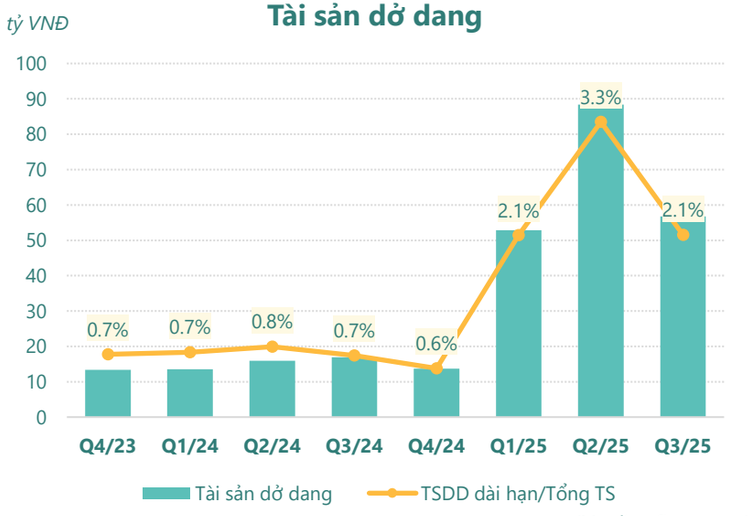
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



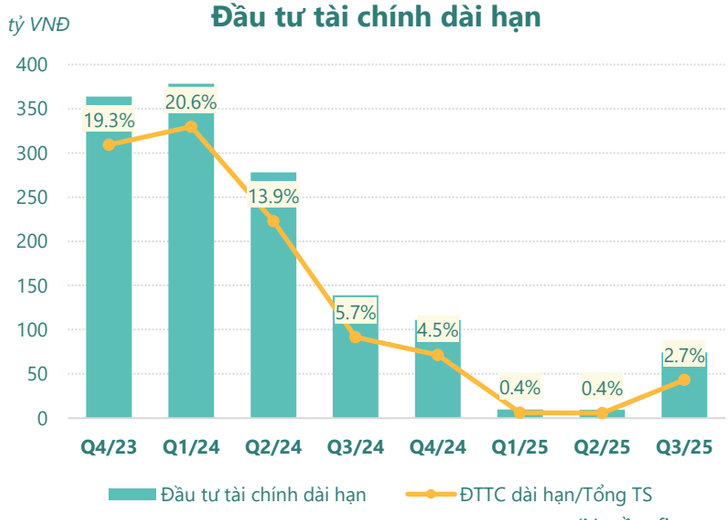
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



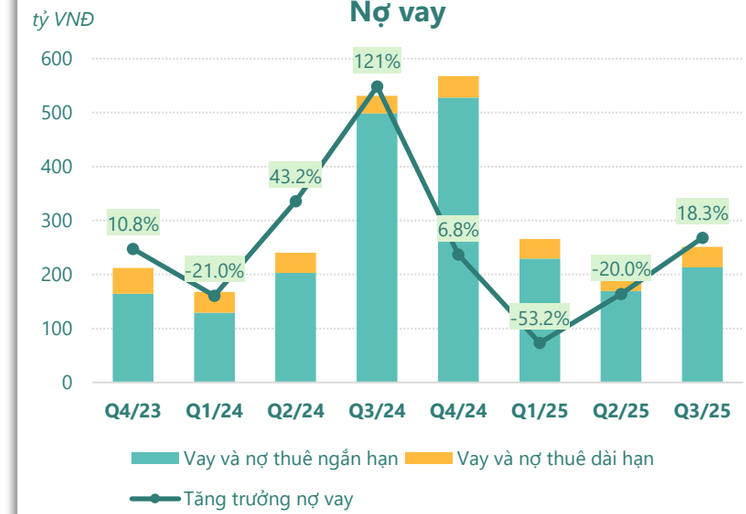
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

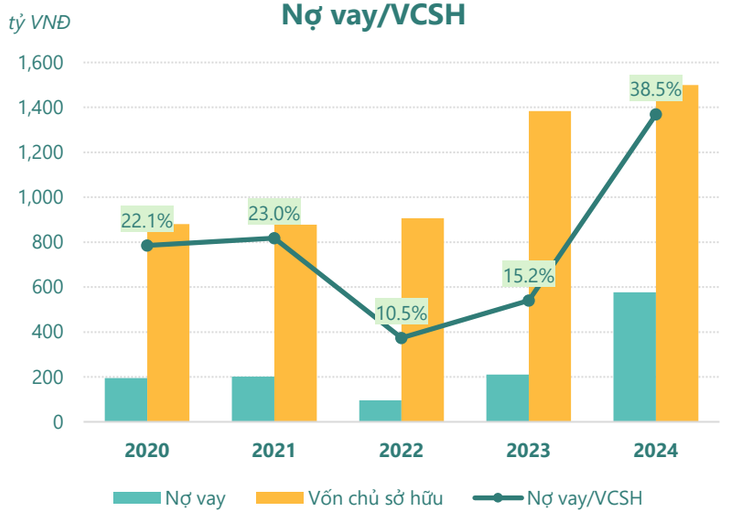
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

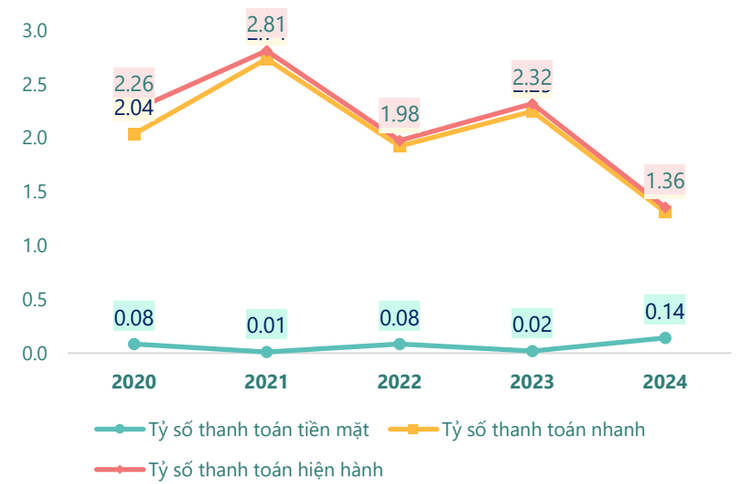
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



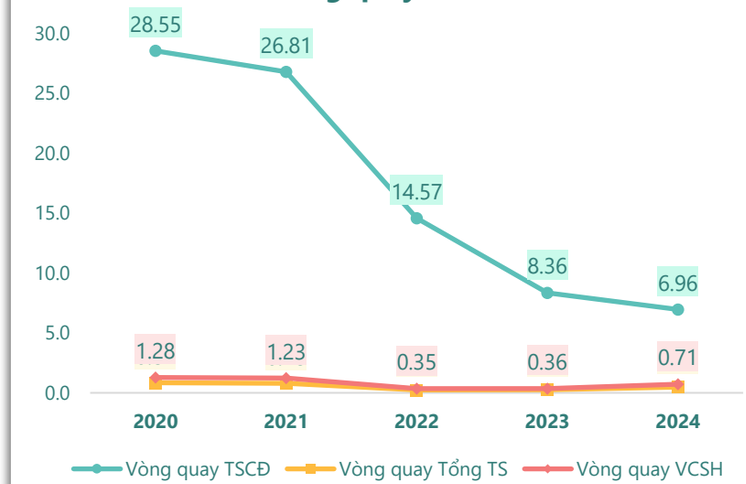
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



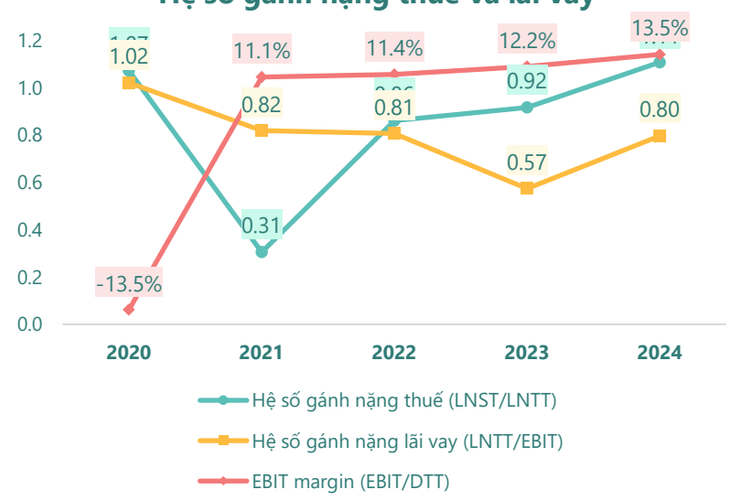
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



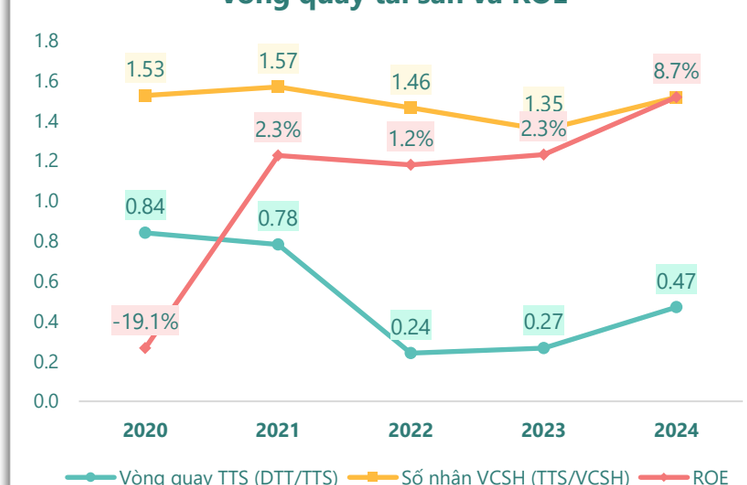
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



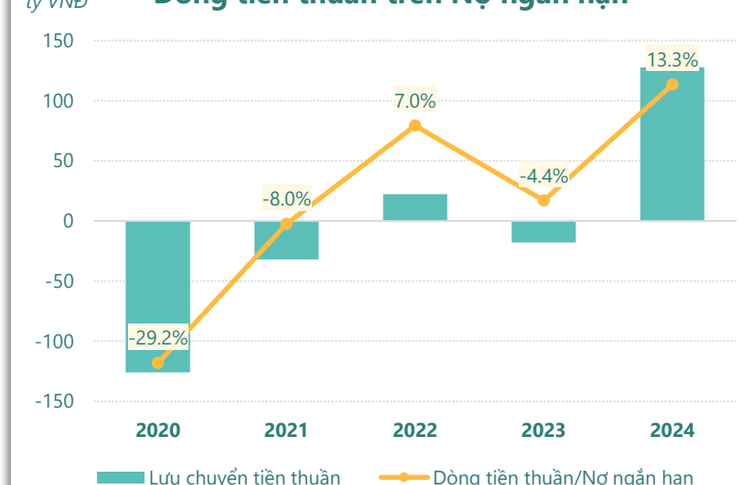
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**391**	**345**	**13.3%**	**1,068**	**629**	**69.7%**
Giá vốn hàng bán	346	266	29.9%	928	518	79.1%
Lợi nhuận gộp	45.3	79.2	-42.8%	139	111	25.8%
Doanh thu HĐTC	5.51	24.5	-77.5%	72.2	102	-28.9%
Chi phí TC	3.69	9.72	-62.1%	19.2	20.5	-6.1%
Chi phí lãi vay	4.12	8.04	-48.8%	18.5	16.4	13.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-11.4**	**100%**	**-0.11**	**-14.1**	**99.2%**
Chi phí bán hàng	5.58	7.08	-21.2%	21.1	16.6	26.6%
Chi phí QLDN	**29.0**	**39.4**	**-26.3%**	**93.2**	**97.3**	**-4.3%**
LN thuần từ HĐKD	12.5	36.1	-65.4%	78.1	63.8	22.4%
Lợi nhuận khác	**-0.85**	**-2.08**	**59.2%**	**-4.87**	**-4.23**	**-15.3%**
LN trước thuế	11.6	34.0	-65.7%	73.2	59.5	23.0%
Lợi nhuận sau thuế	**7.34**	**34.3**	**-78.6%**	**66.6**	**55.8**	**19.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.59**	**26.1**	**-67.1%**	**64.6**	**55.2**	**17.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-32.3	-74.5	-20.0	-139	56.9	-117
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-28.2	-161	108	-19.7	-64.3	94.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	61.6	246	27.3	269	-54.3	39.6
Tiền đầu kỳ	6.09	7.23	16.7	136	246	185
Lưu chuyển tiền thuần	**1.14**	**9.52**	**116**	**110**	**-61.8**	**17.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.11	-0.11
Tiền cuối kỳ	7.23	16.7	132	246	185	202

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,754**	**2,513**	**9.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,731	1,305	32.6%
Tiền và tương đương tiền	202	136	48.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.0	1.23	5591%
Phải thu ngắn hạn	1,253	1,102	13.7%
Hàng tồn kho	179	40.8	338%
Tài sản ngắn hạn khác	27.3	25.1	8.8%
Tài sản dài hạn	**1,023**	**1,208**	**-15.3%**
Phải thu dài hạn	307	477	-35.7%
Tài sản cố định	245	209	17.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	56.8	63.2	-10.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	74.3	111	-33.1%
Tài sản dài hạn khác	**62.4**	**45.5**	**37.1%**
Lợi thế thương mại	278	302	-8.0%
Nợ phải trả	643	1,013	-36.5%
Nợ ngắn hạn	**605**	**963**	**-37.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	213	527	-59.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	132	138	-3.8%
Nợ dài hạn	38.1	50.0	-23.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	38.1	50.0	-23.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,110**	**1,500**	**40.7%**
Vốn chủ sở hữu	**2,110**	**1,500**	**40.7%**
Vốn điều lệ	1,918	1,370	40.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)